

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 01/9/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Lưu Toàn Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:* Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ D** sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Huy T1** sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn N1, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng:

- Bà **Tô Thị N2** sinh năm 1942 (mẹ đẻ của anh T1)

Địa chỉ: thôn N1, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Anh **Đỗ Quốc L** sinh năm 1960 (anh trai của anh T1)

Địa chỉ: thôn N1, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

*(chị D, bà N2, anh L có mặt, anh T1 vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

- Nguyên đơn – Chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh T1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 10/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, mặc dù chị và anh T1 đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm ra hướng giải quyết nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Từ năm 2019 đến nay, chị và anh T1 sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị D và anh T1 có 01 con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 15/11/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con H sống cùng anh T1. Ly hôn, chị đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

- Tại Biên bản xác minh ngày 03/3/2020 và ngày 27/4/2020, Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp như sau: Anh T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn N1, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, có đăng ký kết hôn với chị D tại UBND xã Đ kết hôn ngày 10/01/2014. Anh T1 và chị D có 01 con chung là Đỗ Gia H sinh năm 2016. Anh T1 hiện đi làm ăn ở tỉnh ngoài nhưng thỉnh thoảng vẫn về địa phương.

-Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2020, anh Đỗ Quốc L (anh trai anh Đỗ Huy T1) trình bày:

Anh T1 và chị D kết hôn với nhau năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Đ một thời gian thì hai vợ chồng đi làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T1 thì anh không biết rõ nhưng chị D, anh T1 đã sống ly thân một thời gian. Anh T1 đi làm ăn ở tỉnh ngoài nhưng vẫn liên lạc về nhà cho anh L. Khi chị D nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị D có đến nhà anh L để nói chuyện và anh L đã thông báo cho anh T1 biết việc chị D có đơn xin ly hôn anh T1 tại Tòa án, nhưng do anh T1 đi làm ăn nên không về Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Về con chung: chị D và anh T1 có 01 con chung là Đỗ Gia H, cháu H hiện sinh sống cùng anh T1, quan điểm của anh L đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh L không nắm được cụ thể.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Đỗ Huy T1.

- Về con chung: Giao cho anh Đỗ Huy T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đỗ Gia H, sinh ngày 15/11/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác. Chị Trần Thị Mỹ D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/6/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải có Công văn đề nghị Phòng xuất nhập cảnh tra cứu thông tin xuất nhập cảnh của anh T1. Theo công văn số 376/PA08 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình ngày 22/6/2020 và Biên bản làm việc ngày 23/6/2020; Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp: Anh Đỗ Duy T1 xuất cảnh gần nhất từ ngày 14/03/2014 bằng Hộ chiếu số N1376730 qua sân bay quốc tế Nội Bài; đến nay chưa thấy thông tin nhập cảnh. Như vậy, khẳng định anh T1 hiện tại không sinh sống tại Việt Nam; việc Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị D và anh T1 không đúng thẩm quyền, vi phạm khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/6/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D, bà N2 và anh L đều khai: Trước khi kết hôn với chị D, anh T1 đang làm ăn, sinh sống tại Cộng hòa Séc, tháng 01/2014,

anh T1 về Việt Nam kết hôn với chị D; sau khi kết hôn được khoảng hơn 01 tháng thì anh T1 lại sang Cộng hòa Séc làm ăn; sau khi anh T1 đi được khoảng nửa năm thì chị D lại sang Cộng hòa Séc sinh sống cùng anh T1 và sinh con Đỗ Gia H ở bên đó. Sau đó, chị D và cháu H có về quê 01 lần.

Bà N2 và anh L khẳng định, từ tháng 3 năm 2014 đến nay anh T1 chưa trở về về Việt Nam, anh T1 vẫn liên lạc với gia đình bằng điện thoại di động của anh L qua mạng xã hội, anh T1 có nói chuyện với anh L là vợ chồng trực trực, chị D đã ra ngoài ở, không ở cùng với bố con anh T1.

Anh L còn khai, khi cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải lấy lời khai thì anh chỉ khai là anh T1 hiện nay ở xa, anh cũng có nói chuyện điện thoại thông báo cho anh T1 biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết việc chị D xin ly hôn anh T1 nhưng anh T1 không ý kiến gì.

Bà N2 khai, khi cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải lấy lời khai thì bà chỉ khai là khi bà vào Thành phố Hồ Chí Minh chơi với con trai là anh Đỗ Văn T2, bà thấy anh T1 có nói chuyện điện thoại với anh T2.

Chị D khai, từ năm 2018, khi còn chung sống với nhau tại Cộng hòa Séc, vợ chồng chị mâu thuẫn căng thẳng, anh T1 đã làm đơn xin ly hôn đưa cho chị về Việt Nam giải quyết nên từ đó chị đã ra ngoài ở rồi về Việt Nam nên chị không biết anh T1 hiện nay ở đâu. Tại Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, chị đồng ý giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi nhưng gần đây, chị gọi điện nhưng anh T1 không cho chị gặp con nên chị không đồng ý cho anh T1 nuôi con nữa.

Lời khai của chị D và bà N2, anh L phù hợp với thông tin xuất nhập cảnh của anh T1 mà Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp, như vậy chứng tỏ tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Đơn khởi kiện của chị D, anh T1 đang ở nước ngoài.

Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện

*1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:*

*a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;*

*b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;*

*c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này.*

*2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây:*

a) Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này;

b) Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này;

c) Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này;

d) Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này.

3. Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Hải cho rằng Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải đã thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm không đúng thẩm quyền, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” của Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Chị D không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

2. Hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” của Tòa án

nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, chuyên hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Chị D không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 01/9/2020.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, THA huyện Tiên Hải;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Lan Anh**